

GIA BÀN
ĐỒNG PHÁP - NGUYỄN QUỐC
Mỗi năm 2.000 0.50
Năm tháng 2.000 2.00
Năm tháng 1.000 1.00
Mỗi năm 1.000 1.00
Thư và mua đặt gửi cho M. TRẦN
ĐINH-TRẦN - Ai đòng quảng cáo
Việc đăng xin thường gửi trước

TIẾNG-DÂN

CHỦ QUẢN LƯU THỦ MẤY
HENRI - TRUC - KHANG
Quảng - lý
TRẦN ĐINH-TRẦN

LA VOIX DU PEUPLE
Mỗi tuần xuất bản hai kỳ thứ tư và thứ bảy

BÁO QUẢN
Đường Đông-Bà - Hu
Giấy thép nói số 62
Giấy thép TIẾNG-DÂN - Huế
Hộp thư số 31.

Cải đầu đáng lo của
người ta là tại muốn
làm thầy người
Mạnh-tử

CẢI LUÂN THẦY TRÒ Ở NƯỚC TA

Số học trò càng ngày càng đông, trường học càng ngày càng không đủ dùng, mà quyền thầy dạy lại thêm rộng, trường công đã khô vào mà trường tư thì không có, chính vì lẽ ấy nên gần mấy năm nay, nào tru học phí, nào mở thêm trường, nào tuyển thầy dạy, nào cấp phép học, chánh phủ vẫn chăm đường giáo dục mà trong dân gian, như là ở xứ Trung-kỳ, trăm miệng một lời, đều nói rằng nhà nước bỏ huộc người Annam, để cho ngu dốt, cầm cách sự học, bao nhiêu những trò dốt sô, xốt dốt (tủi thân, mà những hàng bị đuổi mới rồi, lại thêm than trời khóc đất, những hàng oán than, ngày trước chỉ trong thôn quê, mà ngày nay lan đến thành thị. Một đàng tức hân học trong thấy đã mấy trăm đời mà ngày nay có cái cảnh tượng sấu thảm long khai hoa, tương ứng nên xét lòng nguyên vọng của dân mà chăm chú một cách cho thích hợp vậy.

Về nơi thành phố, những các trường lớn, đã có chánh phủ chăm sóc, thì không phải bàn, nay xin nói về trường tổng học xã học cùng các trường tư :

Bất kỳ là chánh sách gì luật pháp gì, đương lúc thay cũ đổi mới, hoặc ở xứ này mà thì hành qua xứ khác, nên không xem xét nhân tình, thổ tục, cũng thời nghi, mà chăm chú điều hòa cho có một cách dụng hợp, mà cứ một mặt cứng bực thì dân cho hay đến thế nào, lợi ích đến thế nào, cũng không khỏi sinh đều chống chọi, không những không được hiệu quả tốt mà lại thêm một mối ác cảm trong dân gian; ấy cái vấn đề giáo dục ở xứ này, chính đương đương vào cái trạng huống như thế, mà như là về sự xã học ở chốn thôn quê.

Giáo dục cần thiết, không phải là một cái chánh sách rất hay ở các nước sáo? Thế mà ở xứ Trung-kỳ gần mười năm nay, các trường hương thôn, có tên mà không có thực, lại thường có cái tệ như trên đã nói, mà có một đến đang nên chú ý như là : Theo tinh thể của dân xứ Trung-kỳ, phần đại đa số không đủ sức mà theo cách giáo dục của nhà nước hạn định là bởi những cơ này :

Một là nhà quê phần nhiều nhà làm nông, lợi nhà trung gia cũng nhà nghèo, con em trong nhà khi rảnh thì đi học, đến lúc mùa màng, thì phải giúp việc nhà, không theo thì

giữ như định được. (Vị dụ như khoảng nghỉ hè nắng thì trong nhà quê lại rảnh thì có thể đi học được) ;

Hai là nhà đã nghèo thì giấy bút sách vở chỉ phải sắm dần dần, được chừng nào học được chừng ấy, không đủ tiền mà sắm cho đúng theo phép trường ;

Ba là đi học không phải như thiết nghĩ sau thì đồ làm quan, cốt biết một ít chữ thông thường để ngày sau làm ăn, xem cái khế-tư, cái toa-băng, cái trát-quan-sức, cái mục đích sự học thì cận gần, mà sự phí tổn, sự phiền lụy theo cách lập trường thì nhiều, nên không đủ sức mà theo được (cũng có kẻ cốt học thì dẫu đề ra làm việc, thì đi trường huyện trường tỉnh mà học, cũng chán rất ít ;

Bốn là đã học để làm ăn thì bất kỳ chữ Quốc-ngữ, chữ Hán, chữ Tây tùy lòng muốn của cha mẹ cũng tư chất đứa trẻ con mà cho nó học, nên tánh chất ông thầy lãnh bằng giáo-sư mà về trong nhà quê, thường thương trái với sự nguyên-vọng của bọn phụ huynh, nên sinh ra thất vọng ;

Năm là ở trong nhà quê, nhiều nơi cách xa tỉnh, tòa một lần nuôi thầy dạy năm bảy đứa trẻ, mà xin bằng xin phép, khai báo lỗi thời, tốn nhiều thì giờ mà cũng không khỏi phiền lụy, tự nhà nước cho là việc thường, mà tự trong dân gian lại xem như một việc khó khăn lắm.

Ấy, tình thế trong chốn hương-thôn, đối với sự trường làng, trường tư như thế, nếu chánh-phủ không xét cho điều thấu cái khổ trạng của dân, mà chăm chú một cách cho điều hòa, thì dân phép hay thế nào, dân gian cũng không sao mãn nguyện.

(Ngày 21 tháng Juillet năm nay có nghị định mới của quan Toàn-quyền, ngày 24 tháng Xout có nghị định của quan Khâm-sư, về vấn đề trường tư, song theo tinh thể nói trên, thì cũng còn có chỗ chưa thích hợp).

(Còn nữa)

Mười-Viên

VẠN VẠN

Cha mẹ hay nói oan, quan hay nói hiệp

Nai oan nói hiệp từ xưa nay
Cha mẹ cũng quan tiền vẫn hay
Yêu giàu trâm dương quên già thất,
Hồ đồ hai miệng bỏ dân ngay
Sinh con thì đẻ sinh lòng khó,
Bất tài còn sủa bắt một dầy
Đời sống nhà trường nhân loại,
Rồi thì hăm dọa làm an rồi (2)

TAY-HỒ TIÊN-SINH
(1) Quan là hổ mẹ dân, cha là vua trong nhà.
(2) Hăm dọa không ăn thịt con. - Sách Tàu gọi quan hung dữ là ngoa-hồ, nghĩa là hăm dọa.

Trúc-chỉ-từ
(Miền nhà quê)

Cho con đi học liêm nom bà,
Kiếm chút tiền làm để gọi là.
Đông dưng cái bài đơ trước ngực,
Về làng thủ lợn với dân già.

Con nay tây học dẫu « Gi-me »
Ông Phán ông Thông đã làm le.
Giàu có nhà mình đừng tiếc vật
Lo cho con nó « Nê rê le ».

Nghịch đất làng ta chẳng phát quơ,
Nay nay mới thấy được ông Hen.
Ba con ai nấy đều mừng rỡ,
Tề-tự ông ra dóm dóm làng.

Mộng-vân

Độc báo

Tiếng-dân kêu gọi đất thên-kinh
Tổ tiên xưa nay sự bất bình.
Đốt thuốc cầm cán nên đạo đức,
Đem đường chỉ lối bước văn minh.
Lên dân ngôn luận trường công lý
Về mặt non sông mới cảm tình
Gánh nặng đương xa đương quân nhè,
Cho hay từ báo đảng muốn bình.

Một người đọc báo
(Cao lãnh)

Đặng Thủy-sơn cảm hoài

Chàng quanh trời đất giữa giang-san,
Một mảnh tình riêng lụy chứa chan !
Chim Trĩ tiếng kêu nguồn sông vô (1)
Hoa vàng hương ngậm, tuyết sương [tan] (2)
Đào hồng chữ khắc từng rêu phủ,
Lương tử thi ngâm động quốc khan !
Giáo cuốn thành hoàng tung cái bụi,
Ở hay ! Non nước càng thêm than ! !
Báo NINH-ĐỨC

(1) Nguồn sông, ở vào núi Trĩ, nên tiếng chim Trĩ kêu lên vào tiếng sông.
(2) Sương tuyết tan xuống hoa vàng, nên hương của ngậm trong sương tuyết.

Khuyến chống sự ăn mặc

Cánh khay chàng dấy thiệp xin nơi,
Cần kiem đạm thanh là phải thôi !
Suốt từ đời xưa đến đời nay,
Đốt từ nhà giàu với nhà đời.
Cái nên đưa dục phải giá công,
Ăn mặc bề ngoài quá thích trung !
Thầy lễ số sư với gần vóc,
Chỉ bằng lư với một nồi sùng.
Người nước Nam, của nước Nam,
Người mình ăn mặc người mình (làm)
Những đồ ngoại hóa lần tiên quá,
Vân minh ngoài bỏ cho đưa tham.
Chàng sao chẳng thấy người thiên (hạ)
Roi sực để cho đồ ngoại hóa,
Người ta đã lĩnh mình từ mơ,
Giấy giấy mà xem hết An, A.

Giáo phòng cần kiem nên vẫn còn.
Phúc từ an giới động mây cơn.
Đưa đưa đưa đưa đưa đi học,
Đường chừng đưa đưa đưa đi dân non.
Nay áo sa-lanh mai sa-lie,
Nay áo kim ngân mai kim-nghiêc,
Con thêm mấy tu khàn mà sưa,
Và chẳng mình em sưa gấu hên.
Chờ bữa một tháng năm ba phiên.
Nào là vua quan, nào giỗ tết.
Nào là gáo thóc, nào gáo đèn.
Vô lại sưa thuê này nọ nê,
Đặt vật và cái công nợ bẻ,
Lại thêm con an mai con rể,
Đưa đưa đưa đưa đưa đi dân non.
Vết tay nằm nghỉ tới đường dài,
Cổ chỉ anh hùng mới gọi trai ;
Vân minh nào phải phong phanh (ng-nh).

Hồ-từ Bàng-Dôi
« Báo-hu »

TẠP-LOẠI

Tri-khôn

IV. - Các bộ phận của tri khôn
Yam bài thứ ba thời đã hiểu
ràng! mỗi một nó tồn ở một địa
vị riêng, mỗi công việc riêng. Nhiều
địa vị nhỏ, nhiều công việc vật, góp
lại thành một bộ-phận.

Tri-khôn gồm ba bộ phận lớn :

- 1) Tri-hiểu (conscience intellectuelle),
 - 2) Tri-luận (raison),
 - 3) Tri-muốn (volonté).
- Tri-dự trong một ngày như ngũ-quan mà tôi cảm giác được ba chuyện. Trước tiên, tôi cảm được một vị thuốc đắng; rồi theo, tôi thấy được một người bệnh vì đã uống vị thuốc đắng ấy mà lành bệnh; cuối cùng, tôi nghe được nhiều lời khen-ngợi về vị thuốc đắng ấy. « Nêm », « thấy » và « nghe » tức là « Tri-hiểu ». Ba sự « hiểu » ấy so-sánh với nhau. So-sánh rồi phát lên một sự suy-nghĩ. Tôi nghĩ rằng nếu vị thuốc ấy tuy đắng mà lành bệnh được bệnh taoi tôi nên dùng. Sự « suy nghĩ » ấy tức là Tri-luận. Luận như thế rồi tôi quyết chịu khó mà uống vị thuốc đắng. Sự « quyết » ấy là « Tri-muốn ».

Tri-hiểu lại còn chia ra nhiều bộ phận nhỏ. Những vật mắt đã thấy, những chuyện tai đã nghe, v. v. mà còn nhớ được như thể là nhớ có bộ ký-ức (mémoire). Lấy một chuyện mà thử đặt thành được nhiều chuyện, lấy một sự tưởng tượng mà vẽ thành một sự tưởng tượng kỳ quái, như thể là nhớ có bộ Tưởng-tượng (imagination). Làm việc gì biết chăm việc ấy, nghe biết chăm mà nghe, dóm biết chăm mà dóm, v. v. như thể là nhớ có bộ chú ý (attention). Đem chuyện này so sánh với chuyện kia, đem sự tưởng này so sánh với sự tưởng kia, như thể là nhớ có bộ Tỷ-phương (comparaison). Tri-hiểu lại còn có hai bộ phận nữa: bộ Khái-niệm (généralisation) và bộ Trừ-tượng (abstraction). Thí dụ: con gà, con chó và con quạ, tuy khác nhau, nhưng con nào cũng có lông lông là từ cách chung của ba con ấy; lấy từ cách chung ấy mà gọi cả ba con ấy là « loài chim »; cách gọi ấy là một cách gọi « khái-niệm ». Con gà, con chó và con quạ, tuy con nào cũng

có lông như nhau, nhưng gà lông đỏ, chó lông trắng, quạ lông đen, vì màu lông khác nhau nên có thể phân biệt ba con khác nhau; phân biệt như thế là dụng phép « trừ-tượng ».

Tuy mỗi bộ phận nhỏ ấy công việc mỗi khác, nhưng thường thường trong khi Tri-khôn cảm giác với các vật ngoài Vũ-trụ, mỗi bộ phận nhỏ ấy đều liên tiếp với nhau để làm việc. Phòng thể như đọc một quyển sách mà muốn hiểu được, thì phải chăm vào mặt chữ mà đọc (chú ý) phân biệt ý tứ và nội dung những trường sách đã đọc (ký ức, so-sánh) sự tưởng tượng này với sự tưởng tượng nọ (tỷ-phương) v. v.

Tri-luận cũng có ba bộ phận nhỏ : một bộ để luận về trung-trật (raison spéculative). Thí dụ :

$2 \times 2 = 4$ là đúng, $6 \div 4 = 12$ là trái ;

Một bộ để luận về phải trái (conscience morale). Thí dụ : làm ơn làm phúc là phải, ăn cắp nói dối là trái ;

Một bộ để luận về đẹp xấu (raison esthétique). Thí dụ : vườn văn ngay thẳng là đẹp, nói xiên nói meo nơi cao nơi thấp là xấu.

Trong Tri-luận, cũng như trong Tri-hiểu, tuy mỗi bộ phận công việc, nhưng thường thường trong khi Tri-khôn suy nghĩ, mỗi bộ phận đều liên tiếp với nhau mà làm việc.

Tri-muốn còn có tên gọi là « Nghị-lực ». Thí dụ : tôi xem một quyển sách luận lý. Xem xong, tôi hiểu (Tri-hiểu) được sự tưởng của quyển sách. Hiểu được rồi tôi suy nghĩ (Tri-luận) rằng những sự tưởng ấy đều là sự tưởng phải. Nếu biết là phải mà không bắt buộc thôi cũng chưa đủ. Muốn cho đủ còn phải tự bố huộc mình để bắt buộc ăn ở theo như sự tưởng ấy. Bố huộc được là nhờ « Tri-muốn ».

Tri-muốn là một bộ phận rất quan trọng. Nhiều người bản tính tốt rồi hóa ra hư cũng vì Nghị-lực kém; nhiều kẻ thông minh mà trọn đời chỉ làm một « con sâu sống nhờ » cũng vì Nghị-lực kém. Nghị-lực chính là cái then máy trong cuộc Thăng-bại Hoàn-hải vậy.

Trần-dinh-Nam

Lịch-sử xe hỏa ở Đông-dương

II. - CHƯƠNG-THỨ NĂM 1898 (tiếp theo)

1) Saigon - Khánh-hòa - Langbiang.

Đường này từ Saigon, đến Biên-hòa, rãnh đi trong miền ruộng đất phì nhiêu và dân cư đông đúc. Từ Biên-hòa trở đi thì vào một đoạn rãnh, đến Mường-Màn thì ra gần bờ biển. Từ đó có một đường rẽ đi Phan-thiết, dài 12 km.

Từ Mường-Màn đường xe cứ theo bờ biển qua gần Phan-rang (gà Tour-cham) và Cẩm-ranh (có đường rẽ đi Ba-nội dài 4 km, và từ Nuatrang đi Tour-cham có một nhánh đi lên Krap-pa dài 11 km. Đường này là khúc đầu của đường đi Dalat. Từ Bi-ê-hoa trở ra thì dài dài bờ biển song nhờ có nông giang đung trủ để đào và công việc khai khẩn các rừng để giồng gạo, nhất là rau ăn thì sau này có lẽ sự chuyển đổi cũng phát đạt.

Công việc bắt đầu làm từ 1901 ở đoạn Saigon đến Tân-linh (132 km),

nhưng mãi đến 1908 thì đoạn kỳ mới chạy. Còn chạy luôn suốt cả đường thì đến năm 1913 mới bắt đầu.

Từ Saigon đến Nha-trang xa 409 km kể cả các nhánh thì đường này dài 466 km. Tiền phí tốn hết 69 triệu, tình thành 148.000 phật-lăng một cây lô-mét, hoặc 60.900 đồng-bạc.

c) Laokay - Vannamphô.

Trong khi chánh phủ làm các đường từ trong bản chương trình năm 1898 thì Công ty xe lửa Vannam cũng làm đường từ Laokay đi

Nào mô cu ly khó, nào chuyên chở khi cu và lương thực, nào khi hậu dục, nào núi non hiểm hóc, làm xong đường này thật là nghìn vạn sự khó khăn. Các đoạn tiếp tục cho chạy từ 15 Juin 1908 đến 1er Avril 1910.

Từ Laokay đường xe đi theo chiều sông Nam-ti qua đèo Milati cao 1.700 thước rồi đến cao nguyên Vannam. Miền này hoang vu và độc lắm.

Từ đèo Milati thì đường xe sang miền Mông-tư, rồi qua Á-mỹ châu đến chiều sông Pata theo lên đến Y-léang. Từ Y-léang trở đi đường xe lên dốc cao lắm đến Chouet Tang là nơi chốt với của cao nguyên Vannam, rồi theo một vùng hơi bằng đến Vannam-phô.

Đường này, nhất là đoạn sau c nguyên chỗ đất lắm.

Đường này khi ký hiệp ước giao Công ty trung linh thì trừ phí là 95 triệu đến năm 1908 lập một hội đồng trong-lai tính lên đến 165 triệu rưỡi, nên Chánh phủ ngoài số tiền trợ cấp 12 triệu rưỡi thì trước p ải cấp thêm một số là 53 triệu nữa. Đạo luật ngày 11 mars 1909 cho phép chánh phủ Đông-dương mở một cuộc công thái để lấy số tiền ấy.

Từ Laokay đến Vannam-phô xa 165 km, tính thành mỗi cây lô-mét phí tốn hết 373.000 phật-lăng, hoặc 117.000 đồng-bạc. So với các đường khác thì đường này giá cao hơn hết, vì k 6 làm quá. Cái thấy đến 155 cây hầm (tunnels) giải tấ cả là 17.861 thước tây, và 3.422 vĩa cầu vĩa cống.

(Còn nữa)

Hoa-trung

VIỆC TRONG NƯỚC

TRUNG-KỲ HUẾ

Về việc lập trường học trong

các xã thôn xứ Trung-kỳ
Trong một số báo trước đã đăng đạo nghị định của quan Khâm-sư Fries nói về thể lệ lập trường học, nay lại xin trích lược đạo nghị định của quan Toàn-quyền Varenne ra ngày 21-7-27, để chờ đọc kỹ được rồi :

L 0 C 1 theo khoản thứ 70-72 trong học chính tổng lệ, thì các xã thôn xứ Trung-kỳ không được lập trường công, nay đem lệ ấy sửa lại cho các xã thôn được phép mở trường công sơ học sơ lược, các thầy dạy không thuộc về ngạch giáo-ban thì do các xã thôn xin phép chọn lựa, và tự chỉ cấp lấy.

20 Giáo-sư phải từ 18 tuổi trở lên và phải có : a) bằng pháp viết tiểu học hoặc bằng tiểu học yếu lược bản xứ ; b) bằng sự phạm sơ cấp giáo-sư cũ dạn ban sự phạm Huế, phủ Diên, Qui-nhơn, hoặc bằng

Ấy chẳng thấy cái gì cũng có vẻ

